TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - NINH BÌNH** Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST Ngày: 15-5-2026 *V/v: Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn.*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Mạnh Tường; Ông Bùi Khắc Thái.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình- Thẩm tra viên Toà án nhân dân Khu vực 3 -Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026 về việc:"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/q®XXst - HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai H**, sinh ngày 26/9/1995**; số CCCD: 025195007480; Cư trú: Thôn K, xã Q, tỉnh Ninh Bình; Hiện đang ở: Số nhà E, phố V, xã T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Đinh Thanh S**, sinh ngày 12/7/1995; số CCCD:** 037095001974; Địa chỉ: Thôn K, xã Q, tỉnh Ninh Bình.

Các đương sự xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 01 năm 2026, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đinh Thanh S kết hôn năm 2023, có thực hiện việc đăng ký tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình nay là xã Q, tỉnh Ninh Bình. Sau khi cưới chúng tôi chung sống với nhau tại Thôn K, xã

Q cùng gia đình anh S. Tuy nhiên hai bên chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S chơi bời, cờ bạc, thường mang tài sản của gia đình đi cắm bán ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế và đời sống gia đình. Tôi và gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng anh S không thay đổi, thậm chí khi tôi chuẩn bị sinh con anh S tiếp tục tái diễn việc cờ bạc mang xe đi cắm bán, không hề có trách nhiệm với vợ con. Thực tế chúng tôi đã ly, nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đinh Thanh S.

Về con chung: Tôi và anh S có 02 con chung là các cháu: Đinh Hoàng G sinh ngày 01/11/2023 và cháu Đinh Duy N sinh ngày 11/10/2025. Hiện cháu G đang ở với ông bà nội và anh S, cháu N ở với tôi. Do các cháu còn quá nhỏ mà anh S không hề có trách nhiệm gì nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được nuôi cả hai cháu. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn anh Đinh Thanh S: Anh S xác nhận thời điểm kết hôn và chung sống như chị H trình bày là đúng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh cũng có lỗi một phần, nay chị H xin ly hôn với anh thì anh không mong muốn, tuy nhiên nếu chị H vẫn cương quyết thì anh cũng đồng ý. Về con chung: Anh S xác định anh và chị H có 02 con chung là các cháu: Đinh Hoàng G sinh ngày 01/11/2023 và cháu Đinh Duy N sinh ngày 11/10/2025. Hiện cháu G đang ở với ông bà nội và anh, cháu N ở với chị H, anh đồng ý cho chị H nuôi cả hai cháu. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 3-Ninh Bình đã tiến hành giải quyết theo quy định. Tuy nhiên anh S vắng mặt trong các phiên họp và hòa giải tại Tòa án, vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Do bị đơn có nơi cư trú tại xã Q, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án Khu vực 3 – Ninh Bình thụ lý giải quyết tranh chấp là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015.

- *Việc xác định quan hệ tranh chấp:* Căn cứ đơn khởi kiện, Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là *"Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn"* là đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- *Về thời hạn chuẩn bị xét xử:* Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.
- *Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát:* Đảm bảo quy định của pháp luật, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- *Việc giao nộp tài liệu chứng cứ:* Thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.
- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:* Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- *Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng: các Điều 5, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai H. Xử cho chị Nguyễn Thị Mai H ly hôn với anh Đinh Thanh S.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao hai cháu Đinh Hoàng G, sinh ngày 01/11/2023 (hiện đang ở cùng anh Đinh Thanh S) và cháu Đinh Duy N, sinh ngày 11/10/2025 (hiện nay đang ở cùng chị Nguyễn Thị Mai H) cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp

nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật "Ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Q, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân Khu vực 3- Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa HĐXX nhận thấy:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống hạnh phúc được với nhau thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh S chơi bời không chịu tu chí làm ăn và không quan tâm đến vợ con, thực tế hai bên đã ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của H với anh S là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về nuôi con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là các cháu: Đinh Hoàng G sinh ngày 01/11/2023 và cháu Đinh Duy N sinh ngày 11/10/2025. Chị H có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Anh S cũng đồng ý với nguyện vọng của chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H khỏe mạnh có thu nhập, cả hai cháu Đinh Hoàng G và Đinh Duy N đều dưới 36 tháng tuổi và anh S cũng đồng thuận trong việc nuôi con. Vì vậy việc giao cháu cả hai cháu Đinh Hoàng G và Đinh Duy N cho chị Nguyễn Thị Mai H tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng

là đảm bảo sự ổn định cũng như quyền và lợi ích của các cháu, phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy không đặt ra việc giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mai H ly hôn với anh Đinh Thanh S.

2.Về nuôi con chung: Giao các cháu Đinh Hoàng G sinh ngày 01/11/2023 và cháu Đinh Duy N sinh ngày 11/10/2025, cho chị Nguyễn Thị Mai H trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Đinh Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Mai H.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có lí do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số 0000245 ngày 14/01/2026 của Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3- Ninh Bình.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:	**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
- Các đương sự;	**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**
- TAND tỉnh Ninh Bình;	
- VKSND Khu vực 3 – Ninh Bình;	
- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;	
- UBND xã Quỳnh Lưu;	
- Lưu hồ sơ vụ án.	Nguyễn Thị Hương Quỳnh